PHỤ LỤC: Phụ thu hãng vận chuyển (Carrier Imposed surcharge)

(Ban hành kèm theo công văn số/ Attached to Circular No. /TCTHK-KHPT ngày/*dated)*

I. TRẺ NHỎ DƯỚI 2 TUỔI - INFANTS:

Bản/Version: 2026-38

Mức thu: USD 04/chặng, Ngoại trừ giữa Việt Nam và Nhật Bản, Hành trình khởi hành từ Nhật Bản: JPY 660/chặng

YQ Amount: USD 04/sector. Exception: For sectors between Vietnam and Japan, Japan: JPY660/sector

II. CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC - *FOR OTHER PASSENGERS* :

STT	Chặng bay	Nơi xuất vé	Loại giá	Hành trình khởi hành từ	Mức YQ		Hiệu lực cho vé xuất/đổi *Valid for tickets issued/exchanged* (DD/MM/YYYY)	
No	*Sectors*	*POS*	*Fares basis*	*Itinerary oritinating*	*YQ Amount*	*Currency*	*Từ/ on/after*	*Đến hết on/before*
1	**Giữa Việt Nam và Mỹ** ***Between Vietnam and United States of America***	**Tất cả** ***All***	**Giá thương gia** ***Business fares***	**Việt Nam đến Mỹ** ***Vietnam to USA*** **Mỹ đến Việt Nam** ***USA to Vietnam***	280	*USD*	28/07/2026	30/09/2026
					290	*USD*	01/10/2026	
				Khác/Others **- Mỹ đến các quốc gia khác (ngoại trừ Việt Nam)** **USA to other countries (except Vietnam)** **- Các quốc gia khác (ngoại trừ Việt Nam) đến Mỹ** **Other countries (except Vietnam) to USA**	290	*USD*	01/10/2026	**31/10/2026**
					240	***USD***	**01/11/2026**	
			Giá khác ***Others***	**Việt Nam đến Mỹ** ***Vietnam to USA***	200	*USD*	01/10/2026	**31/10/2026**
					210	***USD***	**01/11/2026**	
				Mỹ đến Việt Nam ***USA to Vietnam***	200	*USD*	01/10/2026	**31/10/2026**
					240	***USD***	**01/11/2026**	
				Khác/Others **- Mỹ đến các quốc gia khác (ngoại trừ Việt Nam)** **USA to other countries (except Vietnam)** **- Các quốc gia khác (ngoại trừ Việt Nam) đến Mỹ** **Other countries (except Vietnam) to USA**	200	*USD*	01/10/2026	**31/10/2026**
					150	***USD***	**01/11/2026**	
2	Giữa Việt Nam và Đức/Ý *Between Vietnam and Germany/Italy*	Tất cả *All*	Giá thương gia *Business fares*	Việt Nam	425	*USD*	24/04/2026	30/09/2026
				Vietnam	430	*USD*	01/10/2026	
				Khác	375	*EUR*	20/04/2026	30/09/2026
				Others	380	*EUR*	01/10/2026	
			Giá khác *Others*	Việt Nam	250	*USD*	01/04/2026	30/09/2026
				Vietnam	255	*USD*	01/10/2026	
				Khác	177	*EUR*	25/03/2026	30/09/2026
				Others	182	*EUR*	01/10/2026	
3	Giữa Việt Nam và Hà Lan *Between Vietnam and Netherlands*	Tất cả *All*	Giá thương gia *Business fares*	Việt Nam	425	*USD*	24/04/2026	30/09/2026
				Vietnam	430	*USD*	01/10/2026	
				Khác	375	*EUR*	20/04/2026	30/09/2026
				Others	380	*EUR*	01/10/2026	
			Giá khác *Others*	Việt Nam	250	*USD*	01/04/2026	30/09/2026
				Vietnam	255	*USD*	01/10/2026	
				Khác	173	*EUR*	25/03/2026	30/09/2026
				Others	178	*EUR*	01/10/2026	
			Giá thương gia	Việt Nam	425	*USD*	24/04/2026	30/09/2026
				Vietnam	430	*USD*	01/10/2026	

STT	Chặng bay	Nơi xuất vé	Loại giá	Hành trình khởi hành từ	Mức YQ		Hiệu lực cho vé xuất/đổi *Valid for tickets issued/exchanged* (DD/MM/YYYY)	
No	*Sectors*	*POS*	*Fares basis*	*Itinerary oritinating*	*YQ Amount*	*Currency*	*Từ/ on/after*	*Đến hết on/before*
4	Giữa Việt Nam và Đan Mạch *Between Vietnam and Denmark*	Tất cả *All*	*Business fares*	Khác *Others*	2802 2834	*DKK* *DKK*	20/04/2026 01/10/2026	30/09/2026
			Giá khác *Others*	Việt Nam *Vietnam*	250 255	*USD* *USD*	01/04/2026 01/10/2026	30/09/2026
				Khác *Others*	1317 1349	*DKK* *DKK*	25/03/2026 01/10/2026	30/09/2026
5	Giữa Việt Nam và Pháp *Between Vietnam and France*	Tất cả *All*	Giá thương gia *Business fares*	Việt Nam *Vietnam*	425 430	*USD* *USD*	24/04/2026 01/10/2026	30/09/2026
				Khác *Others*	375 380	*EUR* *EUR*	20/04/2026 01/10/2026	30/09/2026
			Giá khác *Others*	Việt Nam *Vietnam*	250 255	*USD* *USD*	01/04/2026 01/10/2026	30/09/2026
				Khác *Others*	156 161	*EUR* *EUR*	25/03/2026 01/10/2026	30/09/2026
6	Giữa Việt Nam và Anh *Between Vietnam and United Kingdom*	Tất cả *All*	Giá thương gia *Business fares*	Việt Nam *Vietnam*	425 430	*USD* *USD*	24/04/2026 01/10/2026	30/09/2026
				Khác *Others*	330 334	*GBP* *GBP*	20/04/2026 01/10/2026	30/09/2026
			Giá khác *Others*	Việt Nam *Vietnam*	250 255	*USD* *USD*	01/04/2026 01/10/2026	30/09/2026
				Khác *Others*	158 162	*GBP* *GBP*	25/03/2026 01/10/2026	30/09/2026
7	Giữa Việt Nam và Nga *Between Vietnam and Russia*	Tất cả *All*	Giá thương gia *Business fares*	Việt Nam *Vietnam*	203 208	*USD* *USD*	18/03/2026 01/10/2026	30/09/2026
				Khác *Others*	180 185	*EUR* *EUR*	25/03/2026 01/10/2026	30/09/2026
			Giá khác *Others*	Việt Nam *Vietnam*	203 208	*USD* *USD*	18/03/2026 01/10/2026	30/09/2026
				Khác *Others*	180 185	*EUR* *EUR*	25/03/2026 01/10/2026	30/09/2026
8	Giữa Việt Nam và Úc *Between Vietnam and Australia*	Tất cả *All*	Tất cả *All*	Việt Nam *Vietnam*	56 66	*USD* *USD*	18/03/2026 01/10/2026	30/09/2026
				Khác *Others*	56 66	*USD* *USD*	25/03/2026 01/10/2026	30/09/2026
9	**Giữa Việt Nam và Nhật Bản** ***Between Vietnam and Japan***	**Tất cả** ***All***	**Tất cả** ***All***	**Việt Nam đến Nhật Bản** ***Vietnam to Japan***	108 (YQF: 104, YQI: 4)	*USD*	01/09/2026	**31/10/2026**
					128 (YQF: 124, YQI: 4)	***USD***	**01/11/2026**	
				Nhật Bản đến Việt Nam ***Japan to Vietnam***	19060 (YQF: 18400, YQI: 660)	*JPY*	01/09/2026	**31/10/2026**
					21160 (YQF: 20500, YQI: 660)	***JPY***	**01/11/2026**	
				Khác/*Others* **Nhật Bản đến các quốc gia khác (trừ Việt Nam)** ***Japan to other countries (except Vietnam)***	19060 (YQF: 18400, YQI: 660)	*JPY*	01/09/2026	**31/10/2026**
					18020 (YQF: 17360, YQI: 660)	***JPY***	**01/11/2026**	
				Khác/*Others* **Các quốc gia khác (ngoại trừ Việt Nam) đến Nhật Bản**	66 (YQF: 62, YQI: 4)	*USD*	01/07/2026	30/09/2026

STT	Chặng bay	Nơi xuất vé	Loại giá	Hành trình khởi hành từ	Mức YQ		Hiệu lực cho vé xuất/đổi *Valid for tickets issued/exchanged* (DD/MM/YYYY)	
No	*Sectors*	*POS*	*Fares basis*	*Itinerary oritinating*	*YQ Amount*	*Currency*	*Từ/ on/after*	*Đến hết on/before*
				~~Việt Nam) đến Nhật Bản~~ ***Other countries (except Vietnam) to Japan***	76 (YQF: 72, YQI: 4)	*USD*	01/10/2026	
10	**Giữa HAN và Hàn Quốc** ***Between HAN and Korea***	**Tất cả** ***All***	**Tất cả** ***All***	Việt Nam đến Hàn Quốc *Vietnam to Korea*	48	*USD*	19/06/2026	30/09/2026
					55	*USD*	01/10/2026	
				Hàn Quốc đến Việt Nam ***Korea to Vietnam***	75	*USD*	01/10/2026	**31/10/2026**
					90	***USD***	**01/11/2026**	
				Khác/Others - Hàn Quốc đến các quốc gia khác (ngoại trừ Việt Nam) *Korea to other countries (except Vietnam)*	40	*USD*	01/07/2026	
				Khác/Others - Từ các quốc gia khác (ngoại trừ Việt Nam) đến Hàn Quốc *Other countries (except Vietnam) to Korea*	40	*USD*	01/07/2026	30/09/2026
					45	*USD*	01/10/2026	
	Giữa DAD và Hàn Quốc ***Between DAD and Korea***	**Tất cả** ***All***	**Tất cả** ***All***	Việt Nam đến Hàn Quốc *Vietnam to Korea*	48	*USD*	19/06/2026	30/09/2026
					55	*USD*	01/10/2026	
				Hàn Quốc đến Việt Nam ***Korea to Vietnam***	77	*USD*	01/10/2026	**31/10/2026**
					95	***USD***	**01/11/2026**	
				Khác/Others - Hàn Quốc đến các quốc gia khác (ngoại trừ Việt Nam) *Korea to other countries (except Vietnam)*	40	*USD*	01/07/2026	
				Khác/Others - Từ các quốc gia khác (ngoại trừ Việt Nam) đến Hàn Quốc *Other countries (except Vietnam) to Korea*	40	*USD*	01/07/2026	30/09/2026
					45	*USD*	01/10/2026	
	Giữa NHA và Hàn Quốc ***Between NHA and Korea***	**Tất cả** ***All***	**Tất cả** ***All***	Việt Nam đến Hàn Quốc *Vietnam to Korea*	48	*USD*	19/06/2026	30/09/2026
					55	*USD*	01/10/2026	
				Hàn Quốc đến Việt Nam ***Korea to Vietnam***	77	*USD*	01/10/2026	**31/10/2026**
					95	***USD***	**01/11/2026**	
				Khác/Others - Hàn Quốc đến các quốc gia khác (ngoại trừ Việt Nam) *Korea to other countries (except Vietnam)*	40	*USD*	01/07/2026	
				Khác/Others - Từ các quốc gia khác (ngoại trừ Việt Nam) đến Hàn Quốc *Other countries (except Vietnam) to Korea*	40	*USD*	01/07/2026	30/09/2026
					45	*USD*	01/10/2026	
				Việt Nam đến Hàn Quốc *Vietnam to Korea*	57	*USD*	19/06/2026	30/09/2026
					64	*USD*	01/10/2026	
				Hàn Quốc đến Việt Nam ***Korea to Vietnam***	95	*USD*	01/10/2026	**30/09/2026**
					120	***USD***	**01/10/2026**	

STT	Chặng bay	Nơi xuất vé	Loại giá	Hành trình khởi hành từ	Mức YQ		Hiệu lực cho vé xuất/đổi *Valid for tickets issued/exchanged* (DD/MM/YYYY)	
No	*Sectors*	*POS*	*Fares basis*	*Itinerary oritinating*	*YQ Amount*	*Currency*	*Từ/ on/after*	*Đến hết on/before*
	Chặng bay khác giữa Việt Nam và Hàn Quốc ***Other sectors between Vietnam and Korea***	**Tất cả** ***All***	**Tất cả** ***All***	Khác/Others - Hàn Quốc đến các quốc gia khác (ngoại trừ Việt Nam) *Korea to other countries (except Vietnam)*	40	*USD*	01/07/2026	
				Khác/Others - Từ các quốc gia khác (ngoại trừ Việt Nam) đến Hàn Quốc *Other countries (except Vietnam) to Korea*	40	*USD*	01/07/2026	30/09/2026
					45	*USD*	01/10/2026	
11	Giữa Việt Nam và Đài Loan *Between Vietnam and Taiwan*	Tất cả *All*	Tất cả *All*	Đài Loan *Taiwan*	32.5	*USD*	12/09/2026	04/10/2026
					42.5	*USD*	05/10/2026	
				Mỹ/Canada *US/Canada*	24	*USD*	20/03/2026	24/03/2026
					45	*USD*	25/03/2026	
				Khác *Others*	70	*USD*	01/08/2026	30/09/2026
					80	*USD*	01/10/2026	
12	Giữa HAN/SGN và CAN *Between HAN/SGN and CAN*	Tất cả *All*	Tất cả *All*	Việt Nam đến Trung Quốc *Vietnam* to China	64	*USD*	18/03/2026	30/09/2026
					67	*USD*	01/10/2026	
				Trung Quốc đến Việt Nam *China* to Vietnam	470	*CNY*	18/03/2026	30/09/2026
					490	*CNY*	01/10/2026	
				Trung Quốc đến các quốc gia khác (ngoại trừ Việt Nam) *China to other countries (except Vietnam)*	285	*CNY*	01/07/2026	30/09/2026
					339	*CNY*	01/10/2026	
				Các quốc gia khác (ngoại trừ Việt Nam) đến Trung Quốc *Other countries (except Vietnam) to China*	42	*USD*	01/07/2026	30/09/2026
					50	*USD*	01/10/2026	
	Chặng bay khác giữa Việt Nam và Trung Quốc *Other sectors between Vietnam and China*	Tất cả All	Tất cả All	Việt Nam đến Trung Quốc *Vietnam* to China	64	*USD*	18/03/2026	30/09/2026
					67	*USD*	01/10/2026	
				Trung Quốc đến Việt Nam *China* to Vietnam	434	*CNY*	01/07/2026	30/09/2026
					454	*CNY*	01/10/2026	
				Trung Quốc đến các quốc gia khác (ngoại trừ Việt Nam) *China to other countries (except Vietnam)*	285	*CNY*	01/07/2026	30/09/2026
					339	*CNY*	01/10/2026	
				Các quốc gia khác (ngoại trừ Việt Nam) đến Trung Quốc *Other countries (except Vietnam) to China*	42	*USD*	01/07/2026	30/09/2026
					50	*USD*	01/10/2026	
13	Giữa Việt Nam và Hồng Công *Between Vietnam and Hong Kong*	Tất cả *All*	Tất cả *All*	Hồng Công *HongKong*	339	*HKD*	01/08/2026	30/09/2026
					378	*HKD*	01/10/2026	
				Khác *Others*	36	*USD*	19/06/2026	30/09/2026
					41	*USD*	01/10/2026	
14	Giữa Việt Nam và Ma Cao *Between Vietnam and Macau*	Tất cả *All*	Tất cả All	Việt Nam *Vietnam*	25	*USD*	20/03/2022	17/03/2026
					35	*USD*	18/03/2026	
				Khác *Others*	31	*USD*	13/03/2026	19/03/2026
					35	*USD*	20/03/2026	
15	Giữa Việt Nam và Ấn Độ *Between Vietnam and India*	Tất cả *All*	Tất cả *All*	Tất cả *All*	60	*USD*	19/06/2026	30/09/2026
					68	*USD*	01/10/2026	
16	Giữa Việt Nam và Thái Lan	Tất cả	Tất cả	Việt Nam *Vietnam*	40	*USD*	19/06/2026	30/09/2026
					50	*USD*	01/10/2026	

STT	Chặng bay	Nơi xuất vé	Loại giá	Hành trình khởi hành từ	Mức YQ		Hiệu lực cho vé xuất/đổi *Valid for tickets issued/exchanged* (DD/MM/YYYY)	
No	*Sectors*	*POS*	*Fares basis*	*Itinerary oritinating*	*YQ Amount*	*Currency*	*Từ/ on/after*	*Đến hết on/before*
16	*Between Vietnam and Thailand*	*All*	*All*	Khác *Others*	40 48	*USD* *USD*	19/06/2026 01/10/2026	30/09/2026
17	Giữa Việt Nam và Malaysia *Between Vietnam and Malaysia*	Tất cả *All*	Tất cả *All*	Tất cả All	30 40	*USD* *USD*	19/06/2026 01/10/2026	30/09/2026
18	Giữa Việt Nam và Singapore *Between Vietnam and Singapore*	Tất cả *All*	Tất cả *All*	Tất cả *All*	40 50	*USD* *USD*	19/06/2026 01/10/2026	30/09/2026
19	Giữa Việt Nam và Myanmar *Between Vietnam and Myanmar*	Tất cả *All*	Tất cả *All*	Tất cả *All*	40 50	*USD* *USD*	19/06/2026 01/10/2026	30/09/2026
20	Giữa Việt Nam và Indonesia *Between Vietnam and Indonesia*	Tất cả *All*	Tất cả *All*	Tất cả *All*	40 50	*USD* *USD*	19/06/2026 01/10/2026	30/09/2026
21	Giữa Việt Nam và Lào *Between Vietnam and Laos*	Tất cả *All*	Tất cả *All*	Việt Nam *Vietnam* Khác *Others*	40 50 40 45	*USD* *USD* *USD* *USD*	19/06/2026 01/10/2026 19/06/2026 01/10/2026	30/09/2026 30/09/2026
22	Chặng bay khác giữa Việt Nam và Campuchia *Other sectors between Vietnam and Cambodia*	Tất cả *All*	Tất cả *All*	Việt Nam *Vietnam* Khác *Others*	40 50 40 45	*USD* *USD* *USD* *USD*	19/06/2026 01/10/2026 19/06/2026 01/10/2026	30/09/2026 30/09/2026
23	Chặng bay giữa Lào và Campuchia *Other sectors between Laos and Cambodia*	Tất cả *All*	Tất cả *All*	Tất cả *All*	40 45	*USD* *USD*	19/06/2026 01/10/2026	30/09/2026
24	Chặng bay giữa Việt Nam và Philippines *Other sectors between Vietnam and Philippines*	Tất cả *All*	Tất cả *All*	Khác *Others* Philippines *Philippines*	40 50 1846 1733	*USD* *USD* *PHP* *PHP*	19/06/2026 01/10/2026 01/10/2026 16/10/2026	30/09/2026 15/10/2026
25	Giữa Việt Nam và Sri Lanka *Between Vietnam and Sri Lanka*	Tất cả *All*	Tất cả *All*	Tất cả *All*	60 68	*USD* *USD*	19/06/2026 01/10/2026	30/09/2026

NGOẠI LỆ ĐỐI VỚI CHẶNG BAY DO HÃNG KHÁC KHAI THÁC **EXCEPTION: FOR SECTORS OPERATED BY OALS**

26	**Giữa FRA/PAR và ROM (Do AZ khai thác)** ***Between FRA/PAR and ROM (Operated by AZ)***	**Tất cả** ***All***	**Tất cả** ***All***	**Tất cả** ***All***	20 **0**	EUR **EUR**	05/08/2023 **01/11/2026**	**31/10/2026**
27	**Giữa FRA/PAR và AMS (Do KL khai thác)** ***Between FRA/PAR and AMS (Operated by KL)***	**Tất cả** ***All***	**Tất cả** ***All***	**Tất cả** ***All***	20 **0**	EUR **EUR**	05/08/2023 **01/11/2026**	**31/10/2026**
28	**Giữa PAR và LON/OSL/ZRH/CPH/VIE/BCN/FRA/GVA/MAD (Do AF khai thác)** ***Between PAR and LON/OSL/ZRH/CPH/VIE/BCN/FRA/GVA/MAD (Operated by AF)***	**Tất cả** ***All***	**Tất cả** ***All***	**Tất cả** ***All***	20 **0**	EUR **EUR**	05/08/2023 **01/11/2026**	**31/10/2026**
29	**Giữa FRA/LON và HEL (Do AY khai thác)** ***Between FRA/LON and HEL (Operated by AY)***	**Tất cả** ***All***	**Giá thương gia** ***Business fares***	**Tất cả** ***All***	20 **0**	USD **USD**	05/08/2023 **01/11/2026**	**31/10/2026**
			Giá khác ***Others***	**Tất cả** ***All***	20 **0**	USD **USD**	05/08/2023 **01/11/2026**	**31/10/2026**
~~**30**~~	~~**Giữa TPE và LAX/SFO/YVR do CI khai thác**~~ ~~***Between TPE and LAX/SFO/YVR (Operated by CI)***~~	~~**Tất cả**~~ ~~***All***~~	~~**Tất cả**~~ ~~***All***~~	~~**Việt Nam**~~ ~~***Vietnam***~~ ~~**Khác**~~ ~~***Others***~~	~~**0**~~ ~~**0**~~	~~**USD**~~ ~~**USD**~~	~~**01/08/2024**~~ ~~**01/08/2024**~~	
~~**31**~~	~~**Giữa SGN và AUH (Do EY khai thác)**~~	~~**Tất cả**~~	~~**Giá thương gia**~~ ~~***Business fares***~~	~~**Tất cả**~~ ~~***All***~~	~~**0**~~	~~**USD**~~	~~**01/01/2026**~~	

STT	Chặng bay	Nơi xuất vé	Loại giá	Hành trình khởi hành từ	Mức YQ		Hiệu lực cho vé xuất/đổi *Valid for tickets issued/exchanged* (DD/MM/YYYY)	
No	*Sectors*	*POS*	*Fares basis*	*Itinerary oritinating*	*YQ Amount*	*Currency*	*Từ/ on/after*	*Đến hết on/before*
~~31~~	~~Between SGN and AUH (Operated by EY)~~	~~All~~	~~Giá khác~~ ~~Others~~	~~Tất cả~~ ~~All~~	~~0~~	~~USD~~	~~01/01/2026~~	
~~32~~	~~Giữa KUL/BKK và AUH (Do EY khai thác)~~ ~~Between KUL/BKK and AUH (Operated by EY)~~	~~Tất cả~~ ~~All~~	~~Giá thương gia~~ ~~Business fares~~	~~Tất cả~~ ~~All~~	~~240~~	~~USD~~	~~05/08/2023~~	~~28/02/2026~~
					~~0~~	~~USD~~	~~01/03/2026~~	
			~~Giá khác~~ ~~Others~~	~~Tất cả~~ ~~All~~	~~80~~	~~USD~~	~~05/08/2023~~	~~28/02/2026~~
					~~0~~	~~USD~~	~~01/03/2026~~	
~~33~~	~~Giữa BKK và NBO (Do KQ khai thác)~~ ~~Between BKK and NBO (Operated by KQ)~~	~~Tất cả~~ ~~All~~	~~Giá thương gia~~ ~~Business fares~~	~~Tất cả~~ ~~All~~	~~0~~	~~USD~~	~~01/01/2026~~	
			~~Giá khác~~ ~~Others~~	~~Tất cả~~ ~~All~~	~~0~~	~~USD~~	~~01/01/2026~~	
~~34~~	~~Giữa HAN/SGN và MNL (Do PR khai thác)~~ ~~Between HAN/SGN and MNL (Operated by PR)~~	~~Tất cả~~ ~~All~~	~~Tất cả~~ ~~All~~	~~Tất cả~~ ~~All~~	~~0~~	~~USD~~	~~01/07/2019~~	
~~35~~	~~Giữa SHA và WUH (Do MU khai thác)~~ ~~Between SHA and WUH (Operated by MU)~~	~~Tất cả~~ ~~All~~	~~Tất cả~~ ~~All~~	~~Tất cả~~ ~~All~~	~~0~~	~~USD~~	~~05/08/2023~~	
~~36~~	~~Giữa SHA và CTU/CKG (Do MU khai thác)~~ ~~Between SHA and CTU/CKG (Operated by MU)~~	~~Tất cả~~ ~~All~~	~~Tất cả~~ ~~All~~	~~Tất cả~~ ~~All~~	~~0~~	~~USD~~	~~05/08/2023~~	
~~37~~	~~Giữa KTI và VTE (Do K6 khai thác)~~ ~~Between KTI and VTE (Operated by K6)~~	~~Tất cả~~ ~~All~~	~~Tất cả~~ ~~All~~	~~Tất cả~~ ~~All~~	~~0~~	~~USD~~	~~05/08/2023~~	
~~38~~	~~Giữa Vietnam và Campuchia (Do K6 khai thác)~~ ~~Between Vietnam and Cambodia (Operated by K6)~~	~~Tất cả~~ ~~All~~	~~Tất cả~~ ~~All~~	~~Tất cả~~ ~~All~~	~~0~~	~~USD~~	~~05/08/2023~~	
39	Giữa Vietnam và Singapore (Do BL khai thác) *Between Vietnam and Singapore (Operated by BL)*	Tất cả *All*	Tất cả *All*	Tất cả *All*	5	USD	10/03/2023	31/10/2026
					~~0~~	~~USD~~	~~01/11/2026~~	
~~40~~	~~Giữa HAN/SGN và CAN/SZX (Do CZ khai thác)~~ ~~Between HAN/SGN and CAN/SZX (Operated by CZ)~~	~~Tất cả~~ ~~All~~	~~Tất cả~~ ~~All~~	~~Tất cả~~ ~~All~~	~~0~~	~~USD~~	~~19/06/2026~~	
~~41~~	~~Giữa HAN/SGN và XMN (Do MF khai thác)~~ ~~Between HAN/SGN and XMN (Operated by MF)~~	~~Tất cả~~ ~~All~~	~~Tất cả~~ ~~All~~	~~Tất cả~~ ~~All~~	~~0~~	~~USD~~	~~19/06/2026~~	

Mọi vướng mắc liên hệ với Ban Tiếp thị và Bán sản phẩm theo địa chỉ:
- Email: helpdesk.pmd@vietnamairlines.com Chủ đề bắt đầu bằng [TNT]. Điện thoại: 84-24-38732732 – máy lẻ: 2131.
- Website: http://helpdeskpmd.vietnamairlines.com

For further information, please contact Marketing and Sales Department at:
- *Email: helpdesk.pmd@vietnamairlines.com Subject starting with [TNT]; Tel: 84-24-38732732 - ext: 2131;*
- *Website: http://helpdeskpmd.vietnamairlines.com*